

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST

Ngày 07/6/2018

“V/v: Ly hôn do mâu thuẫn gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Tạ Khắc Nghĩa.

2/ Ông Lưu Danh sử.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Ngày 07 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 13/2018/QĐST-DS ngày 22/5/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Trần Thị Bích N, sinh năm 1992; Địa chỉ: thôn Đ, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Trung K, Luật sư - Văn phòng luật sư số 1, đoàn luật sư tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: anh Quách Trung H, sinh năm 1990; Địa chỉ: thôn Đ, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

(Ông K có mặt; chị N vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; anh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình cung cấp chứng cứ nguyên đơn chị Trần Thị Bích N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Quách Trung H, sinh năm 1990; Địa chỉ: thôn Đ, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình kết hôn với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/04/2015, tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình; sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố, mẹ đẻ anh H ở xã S, huyện N đến tháng 06/2016 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không chịu tu trí làm ăn, chơi bời, nợ nần, dẫn đến

vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, không tôn trọng nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2017 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay, Tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; Vì vậy Tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho Tôi được ly hôn với anh Quách Trung H.

Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: vợ chồng Tôi không có nên Tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Đối với anh Quách Trung H: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án và gửi anh H, niêm yết theo quy tại điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân xã S, huyện N thì anh Quách Trung H vẫn sinh sống tại thôn Đ, xã S, huyện N cùng với bố mẹ anh H. Mặt khác, theo đơn đề nghị của ông Quách Tuấn H1 cũng xác định hiện anh H đang ở với vợ chồng ông. Các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện N ông đã nhận và thông báo cho anh H biết.

Tại phiên tòa hôm nay: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Trung K đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 19, 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Trần Thị Bích N được ly hôn với anh Quách Trung H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Về sự vắng mặt của các đương sự:

+ Chị Trần Thị Bích N có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị N.

+ Anh Quách Trung H đã được Tòa án nhân dân huyện N triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung khởi kiện:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị Bích N và anh Quách Trung H kết hôn với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 23/04/2015, tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

- Về yêu cầu khởi kiện: Chị N xác định sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 06/2016 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không chịu tu trí làm ăn, chơi bời, nợ nần, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, không tôn trọng nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2017 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau. Tại đơn đề nghị thuận tình ly hôn giữa anh H và chị N đề ngày 15/01/2018 có xác nhận của chính quyền địa phương; quá trình giải quyết vụ án Anh H không có mặt tại Tòa án và không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị N. Xét yêu cầu khởi kiện của chị N phù hợp với kết quả xác minh tại UBND xã S, huyện N; Như vậy, có đủ chứng cứ để khẳng định: Tình cảm vợ chồng và đời sống chung giữa chị N và anh H không còn, quan hệ hôn nhân chỉ là hình thức, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là phù hợp với thực trạng diễn biến quan hệ hôn nhân giữa họ và phù hợp với pháp luật được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: qua lời trình bày của chị N, căn cứ vào biên bản xác minh tại UBND xã S thì giữa chị N và anh H không có; Vì vậy, Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu án phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị Trần Thị Bích N và anh Quách Trung H.
2. Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: không có;
3. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Trần Thị Bích N phải chịu là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N theo biên lai thu số AA/2013/0000377 ngày 15/01/2018.

4. Quyền kháng cáo: chị N, anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi gửi:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Bình